

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT
Ngày: 08/01/2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số **229/2024/TLPT-DS** ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST, ngày 17 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1976; bà Đoàn Thị Huyền T, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Số B, đường C, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, đường Đ, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966. Địa chỉ: L đường C, Khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: số B, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Vũ Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Năm 2009, vợ chồng ông L, bà T có mua diện tích đất 6.762m², thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (trước đây là khu B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 632439 cấp cho ông Lê Thanh L, bà Đoàn Thị Huyền T ngày 11/11/2009. Vợ chồng ông L, bà T đã trả đủ tiền, nhận bàn giao đất từ thời điểm năm 2009 và quản lý ổn định, liên tục từ năm 2009 đến nay, sử dụng nuôi tôm, trồng một số cây dừa, bạch đàn...trên đất.

Tháng 01/2022, bà Vũ Thị H, chủ phần đất liền kề thửa đất số 143, tờ bản đồ số 02, đã cố tình di dời cọc ranh để lấn chiếm sang một phần diện tích 195m², thuộc thửa đất số 143 mà vợ chồng ông L và bà T đang quản lý, sử dụng. Có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp đất bà Vũ Thị H.
- Phía Bắc giáp đất nhà.
- Phía Tây giáp đất bà Đỗ Thị H2.
- Phía Đông giáp đường bê tông.

Ngày 23/6/2022, U, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức hòa giải tranh chấp nhưng không thành. Ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau: Buộc bà Vũ Thị H phải giao trả lại cho gia đình ông L phần đất có diện tích 195m² đã lấn chiếm trái phép, thuộc một phần thửa đất số 143, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có vị trí tứ cận như trên.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Vũ Thị H trả lại diện tích đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 169,6m² thuộc một phần thửa đất số 143, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C buộc nguyên đơn trả lại đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích 35,2m². Đối với kết quả thẩm định tài sản thì thống nhất, không có ý kiến.

* *Bị đơn trình bày:* Vào năm 2001 bà H có chuyển nhượng đất của bà Đinh Thị L1, có đi đăng ký cấp giấy và được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001, đến năm 2009 ông L đã cố tình lấn chiếm phần đất của bà H, khi bà H chuyển nhượng đất thì có căn nhà, có chuồng heo, giáp thửa 143 thì có trồng bạch đàn, dừa, đến năm 2009 khi ông L đo đất thì bà H không biết và thấy có cắm cột qua phần đất của bà H và bà H đã đến Ủy ban nhân dân phường 1 để trình bày sự việc ông L lấn đất của bà H thì Ủy ban nhân dân phường U trả lời là không có làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lấn qua đất của bà H, bà H không hiểu lý vì sau ông L vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bà H chưa ký giáp ranh. Đến tháng 5/2021, bà H có đến Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai đề làm đơn đề nghị cấp lại quyền sử dụng đất mới thì được cán bộ phụ trách, người đo đạc và được bà Lê Thị L2, bà Đoàn Thị Huyền T ký giáp ranh, người kiểm tra đất là ông Võ Văn N và được Ủy ban nhân dân Phường U ký xác nhận, được phó giám đốc ký Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký và đóng dấu xác nhận. Đến tháng 12 năm 2021, do mẹ bà H bệnh nên bà H có về quê chăm mẹ ở Hưng Yên, mẹ bà H mất ngày 23/01/2022 đến ngày 22/3/2022 bà H quay về V để ổn định cuộc sống, không hiểu sau ông L làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân Phường U nói bà H lấn chiếm đất của ông L, thời điểm đó bà H đang ở Hưng Yên không có ở V, căn cứ vào đâu ông L vu khống nói bà H lấn chiếm đất ông L. Đối với kết quả thẩm định tài sản thì bà H thống nhất, không có ý kiến, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà H trả lại phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế là 169,6m² thì bà H không đồng ý, vì đây là phần đất của bà H và bà H cũng yêu cầu nguyên đơn trả lại tiền bồi thường đất cho bà H mà trước đây nguyên đơn đã nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:* Cha mẹ ông Nguyễn Văn C có để lại phần đất diện tích 3.116m² thửa số 144, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho ông C. Phần đất này có vị trí như sau: Hướng Đông giáp nhà cô Bích L3 nay bán cho nhà cô H có số đo là 50,44m. Hướng Nam giáp nhà Quách S (nay đã bán cho bên Kim Y rồi Kim Y bán cho ông S1), số đo là 44,6m, queo ngang 25m và ngang 8m; Hướng Tây là giáp bờ sông V 75,6m; Hướng Bắc giáp nhà ông Năm T1 (nay bán cho ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T), có số đo là 37,8m (37,8m được Nhà nước cấp năm 1986), qua hành lang bảo vệ an toàn kênh là cha mẹ ông C mua của ông Đào H3 vào năm 1988, đến năm 2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cấp chưa lại bờ sông 5m, đến năm 2015 ông C được thừa kế quyền sử dụng đất và chuyển sang sổ hồng, khi đo đạc cán bộ địa chính hỏi có muốn đo làm thêm phần đất phía mé sông không, thì gia đình ông C không yêu cầu vì thấy phần đất ở mé sông cũng không có giá trị. Đến khoảng năm 2012-2013, có một nhóm người lạ vào đo đất bên ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T, gia đình ông C có chỉ cột mốc của nhà ông C cho họ biết và nói từ cột này qua kia là 8m rồi thẳng xuống bờ sông là 18m và chưa bờ sông lại 5m, nhưng nhóm người đó đo từ dưới bờ sông lên mà không chưa lại 5m mé sông nên mới mất gần 5m đất của nhà ông C, khi gia đình ông C nói thì họ đã cự lộn với vợ ông C rồi tự ý cắm cột mốc chụm lên đất nhà ông C với chiều dài gần 5m, rộng 8m. Một thời gian sau, ông L cho máy ủi vào san lấp mặt bằng thì ủi luôn cả cột mốc cũ nhà ông C.

Nay tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T trả lại phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 35,2m². Đối với kết quả thẩm định tài sản thì ông C1 thống nhất.

** Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết.* Tại Bản án sơ thẩm số 156/2024/DS-ST, ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 47 Điều 3; Khoản 1 Điều 236 Luật đất đai năm 2024.

- Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T đối với bị đơn bà Vũ Thị H với diện tích đất 169,6m² thuộc 01 phần thửa đất số 143, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tại Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được chia làm hai phần có tứ cận như sau:

Phần 1:

- Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 9,36m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 09 (trụ đường dây lưới điện) có số đo 4,99m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 02 có số đo 2,44m + 18,19m.
- Hướng Bắc giáp đất ông L có số đo 19,30m + 2,63m.

Tổng diện tích: 151,2m² loại đất NTS; Trong đó có 23,1m² nằm trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông và 128,2m² hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

Phần thứ 2:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 09 (trụ đường dẫn lưới điện) có số đo 2,73m.
- Hướng Tây có số đo 00m.
- Hướng Nam giáp thửa số 2 có số đo 13,63m.
- Hướng Bắc giáp phần đất ông L có số đo 13,50m.

Tổng diện tích: 18,4m² loại đất NTS thuộc hành lang lưới điện.

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đối với nguyên đơn ông Lê Thanh L và bà Đoàn Thị Huyền T với diện tích 35,2m² thuộc 01 phần thửa số 143, tờ bản đồ số 02, vị trí đất tại Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông L có số đo 4,56m + 2,96m.
- Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn C có số đo 4,15m + 3,66m.
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C có số đo 57m.
- Hướng Bắc giáp đất ông L có số đo 4,76m

Tổng diện tích: 35,2m² loại đất trồng cây lâu năm.

(Vị trí, số đo tứ cận của phần đất được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 01/10/2024, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Thu thập tài liệu, chứng cứ bằng biện pháp yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu xin đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180 (như nêu trên), vì bản chính các giấy tờ, tài liệu đó hiện do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V đang giữ.

- Hủy một phần Bản án số 156/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" liên quan phần Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà H trả cho các nguyên đơn Lê Thanh L, Đoàn Thị Huyền T hai phần đất có tổng diện tích 169,6 m² tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng, giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trong quá trình giải quyết tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh những người sang nhượng đất cho nguyên đơn, bị đơn để làm rõ sự việc là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ khi giải quyết. Về quá trình sử dụng đất, bị đơn có những người dân gần đất tranh chấp biết rõ, như Nguyễn Trọng G, Hoàng Thị N1, Đặng Danh C2 đã có giấy xác nhận cho nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật

định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đối với các đương sự có tên nêu trên.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Trần Xuân N2 với bà Nguyễn Thị Kim L4 vào năm 2009, sau đó đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/11/2009 tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.762m² trong này có 169,6m² đất đang tranh chấp với bị đơn, bị đơn vào năm 2001 có nhận chuyển nhượng của bà Đinh Thị L1 hết thửa đất 180, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.890m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/12/2001. Như vậy các đương sự đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên sử dụng ổn định đến năm 2022 bắt đầu phát sinh tranh chấp, trong khi đó vào ngày 04/6/2020 Ủy ban nhân dân thị xã V có ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND về việc thu hồi 107,6m² đất của hộ nguyên đơn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Đ giai đoạn 1 tại phường A, thị xã V thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 02, do đó phần diện tích đất còn lại của nguyên đơn là 6.654,4m² và nguyên đơn đã nhận tiền thu hồi đất và giao đất xong. Bị đơn cũng bị Ủy ban nhân dân thị xã V thu hồi phần đất có diện tích 17,8m² giáp với phần đất mà nguyên đơn bị thu hồi thuộc thửa đất 180, tờ bản đồ số 02, diện tích còn lại 1.872,2m² và bị đơn đã nhận tiền thu hồi đất và giao đất xong, tại thời điểm đó bị đơn cũng không có tranh chấp với nguyên đơn về việc nhận tiền thu hồi đất.

[4]. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 143, đối với phần đất bị thu hồi 107,6m² đã thể hiện ranh giới giáp với thửa 180 của bị đơn là phù hợp với sơ đồ vị trí đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V đã đo vẽ vào ngày 26/4/2024. Mặt khác, cũng theo quyết định thu hồi đất tại thửa 180 của bị đơn đối với diện tích 17,8m², cũng đã được bị đơn xác định đã nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và không có khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất liên quan đến diện tích bị thu hồi. Do đó, có cơ sở để xác định bị đơn đã thống nhất về hiện trạng ranh giới sử dụng giữa các bên tại thửa 143 và thửa 180. Đến ngày 17/5/2021, bị đơn có đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 180 gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, cùng ngày Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V đã tiến hành đo đạc lại phần đất thửa 180 có diện tích đo đạc thực tế theo sự chỉ ranh của bị đơn là 2.020,1m². Tuy nhiên, khi thiết lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì nguyên đơn không đồng ý với ranh giới do bị đơn chỉ, nên đến nay bị đơn vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung trên là phù hợp với lời trình bày của bị đơn về việc có xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận, do ông L nói bị đơn đã dời cột ranh.

[5]. Ngoài ra, theo Công văn số 439/CCTT-CNVC ngày 16/4/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn đều không có đo đạc thực tế. Do đó, không thể căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên để làm cơ sở giải quyết.

[6]. Đối với việc xác nhận của Nguyễn Trọng G, Hoàng Thị N1, Đặng Danh C2, do bị đơn cung cấp kèm theo đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng tất cả đều có cùng nội dung chính cho rằng phần đất thừa 180 do bà H đã nhận chuyển nhượng lại từ bà Đinh Thị L1 và sử dụng ổn định đến nay, ngoài ra không có nội dung xác định vị trí ranh giới thửa đất 180 và thửa 143 cụ thể như thế nào. Do đó, cũng không có cơ sở cho Hội đồng xét xử xem xét làm cơ sở giải quyết vụ án.

[7]. Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hiện trạng thu hồi đất đã được nguyên đơn, bị đơn thống nhất để phân định ranh giới giữa hai thửa đất làm cơ sở giải quyết vụ án là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, đối với kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm như đã nêu ở phần trên là không có cơ sở.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[10]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Vũ Thị H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ số tiền bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004965 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX V;
- Chi cục THADS TX V;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định